

Xác định ngành công nghiệp động lực của TP. Hồ Chí Minh khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP

HUYỀN THẾ NGUYỄN

Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan

Việc VN đàm phán gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương đã mở ra cho ngành công nghiệp TP.HCM nhiều triển vọng phát triển vượt bậc. Tuy nhiên điều này cũng đòi hỏi ngành công nghiệp của thành phố phải nhanh chóng chuyển từ lợi thế so sánh tĩnh sang lợi thế so sánh động và xác định ngành công nghiệp động lực tạo tiền đề và điều kiện thúc đẩy các ngành công nghiệp khác phát triển. Từ việc tính toán Hệ số lan toả ngành qua truy xuất Bảng I/O, nghiên cứu chỉ ra ngành công nghiệp điện tử - tin học, điện tử gia dụng có khả năng trở thành ngành công nghiệp động lực và do đó thành phố nên ưu tiên, chú trọng đầu tư phát triển.

Từ khoá: Công nghiệp động lực, Bảng I/O, Hệ số liên kết.

1. Đặt vấn đề

Với việc trở thành viên chính thức của WTO năm 2007, VN đã tiến một bước rất dài trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. So với các Hiệp định thương mại tự do song phương có xu hướng chú trọng hội nhập chiều sâu thì các Hiệp định thương mại đa phương như WTO thường mang đặc điểm chiều rộng, với các qui định nhằm đáp ứng yêu cầu phổ quát cho nhiều đối tác (trên 150 nước) có trình độ phát triển từ thấp đến cao, do đó khi tham gia WTO có thể không làm thay đổi căn bản con đường phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, ít nhất trong những năm tới. Tuy nhiên, từ ngày 13/11/2010 VN tiến hành

đàm phán gia nhập Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), nơi các quốc gia thành viên có trình độ phát triển kinh tế hơn hẳn, chắc chắn sẽ có nhiều tác động đáng kể đến hoạt động kinh tế trong nước không chỉ ở hiện tại mà còn ở cả tiềm năng tương lai.

Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương không thuần túy là một hiệp định thương mại tự do thông thường bởi sự cam kết mở cửa sâu hơn các hiệp định thương mại khác. Trong 26 chương đàm phán ban đầu của Hiệp định chỉ có 05 chương liên quan trực tiếp đến thương mại, còn lại là những vấn đề cơ cấu kinh tế như: luân chuyển vốn, tranh tụng giữa doanh nghiệp

và Nhà nước, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ môi trường, trao đổi qua biên giới quốc gia dữ liệu điện tử, bảo vệ quyền lợi người lao động khi xảy ra tranh chấp thương mại.. [3]. Trong 05 chương qui định về thương mại, Hiệp định đề cập trực tiếp đến vấn đề cắt giảm hầu hết các dòng thuế với lộ trình rất ngắn hoặc ngay lập tức; tăng mức độ mở cửa các lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ tài chính; siết chặt yêu cầu vệ sinh dịch tễ và rào cản kỹ thuật [7]. Như vậy, nguyên tắc của TPP là xây dựng thị trường tự do thật sự, gia tăng quyền tự chủ của doanh nghiệp và thị trường, giới hạn sự can thiệp của Chính phủ vào hoạt động kinh tế - tài chính.

Nói cách khác, mục tiêu của TPP là lập sân chơi bình đẳng giữa các doanh nghiệp và loại trừ sự bảo bọc của Nhà nước để thiết lập sự cạnh tranh bình đẳng đó [3].

Chính vì thế TPP được xem là một “Hiệp định thương mại tự do thế kỷ 21”, có tác động đến toàn bộ đời sống kinh tế xã hội của các thành viên tham gia. VN với mục tiêu xây dựng nền kinh tế định hướng xuất khẩu sẽ có rất nhiều thuận lợi khi tham gia vào TPP bởi các ưu tiên và ưu đãi về thuế quan của Hiệp định. Trong đó người tiêu dùng và nhà sản xuất sẽ được hưởng lợi từ hàng hoá, nguyên liệu nhập khẩu giá rẻ, từ đó có thể giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm chế tạo trong nước. Tuy nhiên, chính việc “tự do, thông suốt” của TPP làm hàng hoá trong nước phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt ngay chính thị trường nội địa. Hơn nữa phần lớn hàng hoá của chúng ta là gia công, lắp ráp và sử dụng nguyên liệu chủ yếu từ nhập khẩu không thể đáp ứng yêu cầu xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan 0% trong môi trường bình đẳng với các đối tác tham gia TPP [3]. Điều này đòi hỏi Nhà nước phải có những bước đi chủ động để đón nhận cơ hội và xử lý các tác động tiêu cực nhằm tránh “bẫy thương mại tự do” khi trở thành thành viên chính thức của TPP.

Với vai trò đầu tàu về kinh tế, TP.HCM sẽ trở thành địa phương đón nhận các tâm điểm về thuận lợi và thách thức của TPP, đặc biệt trong hai lĩnh vực: dịch vụ và công nghiệp. Đây là hai lĩnh vực được định hướng giữ vai trò cốt lõi trong tiến trình phát triển kinh tế của thành phố. Mặc dù giai đoạn 2001 – 2010 công nghiệp và dịch vụ đạt

không thành tựu đáng khích lệ, với tốc độ tăng trưởng bình quân 2001 – 2005 của công nghiệp 112,4%, dịch vụ 110%, tương ứng giai đoạn 2006 – 2010 là 110,1% và 112,3% nhưng cơ cấu, chủng loại và giá trị sản phẩm công nghiệp lẫn dịch vụ vẫn còn kém so với yêu cầu đặt ra [9]. Nhất là các sản phẩm có hàm lượng chất xám cao và giá trị gia tăng lớn để tạo thành mũi nhọn thúc đẩy toàn ngành phát triển. Điều này kết hợp với những bất ổn vĩ mô chung của cả nước (những vấn đề được xác định có nguồn gốc từ các khuyết tật của chính nền kinh tế và doanh nghiệp trong nước) đan xen với việc doanh nghiệp nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo, mang tính độc quyền cao và sức cạnh tranh kém sẽ tạo ra áp lực to lớn cho quá trình phát triển và cạnh tranh quốc tế [3]. Do đó, trước áp lực cạnh tranh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, giữa kinh tế khu vực công và kinh tế khu vực tư trong sân chơi TPP đã đòi hỏi thành phố phải nhanh chóng chuyển từ lợi thế so sánh tĩnh (sử dụng nhiều tài nguyên và nhân công giá rẻ) sang lợi thế so sánh động (tăng hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng) trong quá trình sản xuất và tiêu thụ hàng hoá.

Quá trình dịch chuyển ngành công nghiệp từ lợi thế so sánh tĩnh sang lợi thế so sánh động của thành phố phải dựa vào nền tảng xây dựng các ngành công nghiệp mũi nhọn, các ngành công nghiệp chủ lực và động lực làm hạt nhân thúc đẩy các ngành khác phát triển. Nói cách khác, trong điều kiện trình độ phát triển công nghiệp và phát triển kinh tế thấp và kém hơn các đối tác khác của TPP tất yếu phải chấp nhận cực phát triển thay cho

đầu tư dàn trải đồng đều [2]. Khi có cực phát triển hiệu quả và chất lượng, thông qua hiệu ứng lan toả và các lực kéo – đẩy thì các ngành, các lĩnh vực khác phát triển theo. Hơn nữa với các khắt khe về hàng rào kỹ thuật, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn môi trường thay cho việc cắt giảm thuế quan của TPP đã buộc các ngành công nghiệp trong nước phải thật sự đi vào chiều sâu và phát triển dựa vào tăng năng suất lao động.

Chính vì thế khi là thành viên của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, thành phố không thể dựa vào khái niệm “ngành công nghiệp chủ lực” một cách truyền thống là dựa vào kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao trong kim ngạch xuất nhập khẩu bởi sự thay đổi về nội hàm và cấu trúc trong các qui định thương mại hàng hoá của TPP so với các Hiệp định thương mại tự do thông thường khác. Vì vậy, để tận dụng các cơ hội do TPP mang lại thành phố nên nhanh chóng đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp động lực làm mũi nhọn cạnh tranh và hạt nhân lôi kéo các ngành khác phát triển.

2. Phương pháp xác định ngành công nghiệp động lực

Tiêu chí xác định ngành kinh tế chủ lực được đo lường qua 02 chỉ tiêu cơ bản: (1) tỷ trọng xuất khẩu trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trong những năm gần đây, vì sản phẩm có vị trí cao trong xuất khẩu là sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. (2) sản phẩm xuất khẩu được xem là sản phẩm chủ lực khi có đóng góp tỷ trọng cao trong GDP của nền kinh tế [2]. Tuy nhiên trong bối cảnh tham gia Hiệp định TPP thì khái niệm ngành kinh tế chủ lực nêu trên chưa đủ khả năng trở thành

một ngành kinh tế đủ sức cạnh tranh theo các tiêu chí của TPP. Thay vào đó, ngành kinh tế chủ lực phải là ngành có lợi thế so sánh động hay là ngành kinh tế động lực. Nói cách khác, ngành kinh tế giữ vai trò mũi nhọn, làm tiền đề cho nền kinh tế đủ sức cạnh tranh quốc tế phải có mối liên hệ liên ngành, có tác động lôi kéo, thúc đẩy các ngành khác phát triển.

Việc xác định ngành kinh tế chủ lực và động lực phải dựa vào các hệ số liên kết ngành hay hệ số lan toả được Rasmussen giới thiệu năm 1956, sau đó Cuello và Soofi phát triển năm 1992. Hệ số liên kết ngành bao gồm hai chỉ số cơ bản là liên kết ngược BL (backward linkages) và liên kết xuôi FL (forward linkages) được tính toán từ kết quả của bảng cân đối liên ngành I/O, một mô hình toán kinh tế được Giáo sư Wassily Leontief lần đầu tiên công bố năm 1941 trong công trình “Cấu trúc nền kinh tế Hoa Kỳ”. Mô hình I/O mô phỏng hoạt động kinh tế theo cấu trúc tuyến tính về mối liên hệ giữa sản xuất và tiêu dùng của một nước. Về cơ bản, mô hình I/O được thể hiện như sau [6]:

Trong ô thứ nhất, Phần tử X_{ij} của ma trận X cho biết ngành j sử dụng sản phẩm của ngành i làm chi phí trung gian trong quá trình sản xuất sản phẩm j . Ô thứ hai, những sản phẩm ngành i được sử dụng cho nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình C , Chính phủ G , tích lũy tài sản I , xuất khẩu X và nhập khẩu M . Ô thứ ba thể hiện giá trị gia tăng của ngành j , bao gồm thu nhập của người lao động L , khấu hao tài sản cố định K , thặng dư sản xuất P và thuế sản xuất T . Như vậy, xét theo cột, ngành j sử dụng sản phẩm trung gian từ ngành i , kết hợp giá trị gia tăng tạo thành giá trị sản xuất. Nhìn theo hàng giá trị sản xuất từng ngành sẽ phục vụ cho tiêu dùng cuối cùng và làm sản phẩm trung gian cho ngành khác. Ký hiệu F là tiêu dùng cuối cùng thì bảng I/O có thể viết dưới dạng tuyến tính như sau [6]:

$$\begin{aligned} X_1 &= X_{11} + X_{12} + X_{13} + \dots + X_{1j} + \dots + X_{1n} + F_1 \\ X_2 &= X_{21} + X_{22} + X_{23} + \dots + X_{2j} + \dots + X_{2n} + F_2 \\ X_3 &= X_{31} + X_{32} + X_{33} + \dots + X_{3j} + \dots + X_{3n} + F_3 \\ &\dots \end{aligned}$$

$$X_1 = X_{11} + X_{12} + X_{13} + \dots + X_{1j} + \dots + X_{1n} + F_1$$

$$\dots$$

$$X_n = X_{n1} + X_{n2} + X_{n3} + \dots + X_{nj} + \dots + X_{nn} + F_n$$

Gọi a_{ij} là hệ số cho biết giá trị sản phẩm ngành i cần thiết để sản xuất ra một đơn vị giá trị ngành j , tức là $a_{ij} = X_{ij}/X_j$ thì hệ phương trình trên có thể viết lại thành:

$$X = AX + F$$

Trong đó $X = [X_1, X_2, X_3, \dots, X_n]$ là vec tơ tổng giá trị sản xuất, $A = [a_{ij}]$ là ma trận hệ số chi phí trung gian trực tiếp và $F = [F_1, F_2, F_3, \dots, F_n]$ là vec tơ tiêu dùng cuối cùng. Giải phương trình trên theo X ta có:

$$X = [I - A]^{-1}F$$

I là ma trận đơn vị, $[I - A]^{-1}$ được gọi là ma trận nghịch đảo Leontief, ma trận này cho biết chi phí toàn phần để sản xuất ra một đơn vị sử dụng cuối cùng của một ngành nào đó. Tổng theo cột j của ma trận nghịch đảo Leontief thể hiện toàn bộ nhập lượng cần thiết từ tất cả các ngành đối với một đơn vị gia tăng trong nhu cầu cuối cùng của ngành j . Tổng theo hàng i của $[I - A]^{-1}$ biểu thị sản lượng gia tăng trong tổng sản lượng ngành i đối với một đơn vị gia tăng trong nhu cầu cuối cùng của tất cả các ngành trong nền kinh tế. Do đó nếu b_{ij} là phần tử thứ i, j của ma trận $[I - A]^{-1}$ thì b_{ij} là nhu cầu trực tiếp, gián tiếp của một ngành i, j . Do mô hình I/O không đi vào xem xét các thông số xác định mức cầu tiêu dùng cuối cùng nên giả thuyết tiêu dùng cuối cùng được xác định trước, vì thế mức xung lực mà ngành j tạo ra cho nền kinh tế qua chỉ số liên kết ngược BL được tính toán như sau [2]:

Trong đó n là số lượng ngành

	Các ngành kinh tế							Tiêu dùng cuối cùng					GO
Các ngành kinh tế	X_{11}	X_{12}	X_{13}	...	X_{1j}	...	X_{1n}	C_1	G_1	I_1	X_1	M_1	X_1
	X_{21}	X_{22}	X_{23}	...	X_{2j}	...	X_{2n}	C_2	G_2	I_2	X_2	M_2	X_2
	X_{31}	X_{32}	X_{33}	...	X_{3j}	...	X_{3n}	C_3	G_3	I_3	X_3	M_3	X_3
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	X_{i1}	X_{i2}	X_{i3}	...	X_{ij}	...	X_{in}	C_i	G_i	I_i	X_i	M_i	X_i
	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
	X_{n1}	X_{n2}	X_{n3}	...	X_{nj}	...	X_{nn}	C_n	G_n	I_n	X_n	M_n	X_n
Giá trị gia tăng	L_1	L_2	L_3	...	L_j	...	L_n						
	K_1	K_2	K_3	...	K_j	...	K_n						
	P_1	P_2	P_3	...	P_j	...	P_n						
	T_1	T_2	T_3	...	T_j	...	T_n						
GI	X_1	X_2	X_3	...	X_j	...	X_n						

trong nền kinh tế. Từ số cho biết xung lực của ngành j lên các ngành khác, mẫu số là xung lực bình quân toàn nền kinh tế. Nếu $BL_j > 1$ thì xung lực mà ngành j tạo ra lớn hơn xung lực trung bình của toàn nền kinh tế hay việc phát triển ngành j có tác động lôi kéo các ngành khác phát triển. Đồng thời để xác định xung lực mà ngành i thúc đẩy các ngành khác phát triển thông qua việc cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào là chỉ số liên kết xuôi FL được tính toán như sau [2]:

$$BL_j = \frac{n \sum_i b_{ij}}{\sum_i \sum_j b_{ij}}$$

Nếu $FL_i > 1$ thì xung lực bình quân của ngành i lớn hơn xung lực bình quân của toàn nền kinh tế, vì vậy khi đầu tư ngành i phát triển có tác động thúc đẩy các ngành khác phát triển theo. Chính vì thế, nếu chỉ số BL có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định ngành mũi nhọn, động lực thì chỉ số FL được bổ sung để nhấn mạnh ý nghĩa của việc xác định này.

3. Kết quả phân tích

Căn cứ vào Bảng I/O TPHCM do Cục Thống kê thành phố ban hành năm 2007 cho 138 ngành kinh tế, tác giả tính toán hệ số Liên kết ngược BL và Hệ số liên kết xuôi FL cho nhóm ngành công nghiệp như sau:

$$FL_i = \frac{n \sum_j b_{ji}}{\sum_i \sum_j b_{ji}}$$

STT	Ngành Công nghiệp	BL	FL
1	Da, lông thú đã thuộc, sơ chế; vali, túi xách, yên đệm và các loại tương tự.	1,305361	0,951839
2	Giày, dép các loại.	1,05084	0,439339
3	Gỗ (đã qua chế biến) và các sản phẩm từ gỗ.	0,995107	0,950353
4	Giấy và các sản phẩm từ giấy.	1,234452	2,549665
5	Các sản phẩm in ấn, sao chép bản ghi các loại.	1,155887	0,7064
6	Than cốc và các sản phẩm phụ khác từ lò luyện than cốc.	0,805787	0,713744
7	Xăng, dầu các loại.	1,440965	11,94227
8	Các sản phẩm khác chiết xuất từ dầu mỏ, khí đốt.	1,50504	6,033876
9	Hoá chất cơ bản.	1,394116	2,012846
10	Phân bón và hợp chất nitơ.	1,429854	2,697558
11	Plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh.	1,256948	1,513485
12	Sản phẩm hoá chất khác; Sợi nhân tạo.	1,280929	2,069557
13	Thuốc, hoá dược và dược liệu.	1,056987	0,90901
14	Sản phẩm từ cao su.	0,730633	0,920967
15	Sản phẩm từ plastic.	1,003011	2,143158
16	Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh.	0,927655	0,672637
17	Xi măng các loại.	1,055636	0,918974
18	Sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu.	0,954406	2,131302
19	Sắt, thép, gang.	1,779919	9,048111
20	Các sản phẩm bằng kim loại khác còn lại.	1,57881	2,229391
21	Linh kiện điện tử; Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính.	1,338452	1,056953
22	Thiết bị truyền thông (điện thoại, máy fax, modem...).	0,924919	0,546041
23	Sản phẩm điện tử dân dụng.	1,425766	0,588262
24	Sản phẩm điện tử khác còn lại và sản phẩm quang học.	0,779441	0,728268
25	Mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.	0,711245	0,598226
26	Pin và ắc quy.	0,724519	0,449337
27	Dây và thiết bị dây dẫn.	0,759174	0,832471
28	Thiết bị điện chiếu sáng.	1,236208	0,57823
29	Đồ điện dân dụng (tủ lạnh gia đình, máy rửa bát, máy giặt, máy hút bụi...).	1,476702	0,56607
30	Thiết bị điện khác.	1,275153	0,534861
31	Máy thông dụng.	1,066343	0,486593
32	Máy chuyên dụng.	1,546282	0,555904
33	Ô tô các loại.	1,349835	0,579007
34	Xe có động cơ rơ moóc.	1,271911	0,441062
35	Tàu và thuyền.	1,51416	0,417789
36	Mô tô, xe máy.	1,305148	0,488417
37	Phương tiện vận tải khác còn lại.	1,351456	0,382087
38	Thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.	0,732288	0,420491
39	Sản phẩm công nghiệp chế biến khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.	0,79079	1,837306

40	Điện, dịch vụ truyền tải điện.	0,668483	2,926381
41	Khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống.	0,632544	0,461429
42	Phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá.	0,650682	0,372933
43	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	0,648622	0,456092
44	Quản lý và xử lý nước thải, rác thải.	0,700672	0,442109
45	Xây dựng nhà các loại.	1,075936	0,446263
46	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	1,251949	0,475278
47	Xây dựng chuyên dụng.	1,196655	0,574954
48	Sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy.	0,700368	0,925256

Nguồn: Tác giả tính toán từ Bảng I/O của TP.HCM

Căn cứ vào kết quả tính toán, chúng ta có thể nhận thấy có 03 nhóm ngành công nghiệp có hệ số liên kết ngược $BL > 1$, hay 03 nhóm ngành công nghiệp về nguyên tắc trở thành nhóm ngành có lợi thế so sánh động và có thể tạo động lực lôi kéo toàn nền kinh tế phát triển, bao gồm:

Thứ nhất, nhóm ngành công nghiệp cơ bản có xăng, dầu và các chiết xuất từ dầu mỏ; hoá chất cơ bản; phân bón và hợp chất nitơ; cao su nguyên sinh; xi măng; sắt, gang, thép và kim loại. Tuy nhiên các nhóm ngành này phần lớn làm nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm khác hơn là sản phẩm tiêu dùng cuối cùng. Do đó chúng không chỉ có hệ số liên kết ngược lớn mà còn có hệ số liên kết xuôi cao. Nói cách khác, nhóm hàng công nghiệp cơ bản đóng vai trò làm nguyên liệu trung gian sẽ phù hợp hơn vai trò sản phẩm chủ lực trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, nhóm ngành công nghiệp chế tạo bao gồm linh kiện điện tử; sản phẩm điện tử dân dụng; thiết bị điện và đồ điện dân dụng; máy móc thông dụng và phương tiện vận tải. Đây là những ngành có hàm lượng chất

xám cao có thể đóng vai trò làm ngành công nghiệp động lực và chủ lực trong định hướng cạnh tranh của nền kinh tế. Hơn nữa các ngành này không chỉ có xung lực lớn để lôi kéo các ngành khác phát triển mà còn là ngành có thể thúc đẩy trình độ lao động và trình độ quản lý, sử dụng lao động phát triển.

Thứ ba, các ngành công nghiệp phi ngoại thương có các ngành xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình và xây dựng chuyên dụng. Do đặc tính của ngành là phi ngoại thương nên nhóm ngành này không thể được nhận diện làm ngành chủ lực trong việc tham gia vào cạnh tranh quốc tế.

Như vậy, dựa vào hệ số liên kết ngược thì TP.HCM nên ưu tiên đầu tư nhóm ngành công nghiệp chế tạo nêu trên để trở thành nhóm hàng công nghiệp có lợi thế so sánh động đủ sức cạnh tranh trong bối cảnh thương mại tự do TPP có hiệu lực. Hơn nữa, nếu nhận diện ưu tiên lựa chọn ngành động lực trên cả hai phương diện là liên kết ngược và liên kết xuôi thì có thể thấy ngành linh kiện điện tử và sản phẩm điện tử dân dụng đáp ứng

được các yêu cầu đặt ra.

4. Kết luận

Việc tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương nói riêng, hội nhập toàn diện vào nền kinh tế toàn cầu nói chung đã đặt ra cho TP.HCM nhiều sức ép nặng nề trong việc tránh bẫy thương mại tự do và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Chính vì thế việc xác định ngành công nghiệp chủ lực và động lực làm mũi nhọn trong “sân chơi” xuyên đại dương và xuyên lục địa là yêu cầu tất yếu cần ưu tiên thực hiện. Căn cứ vào các phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng nhóm ngành công nghiệp chế tạo, trong đó hai ngành điện tử - tin học và điện tử dân dụng thành phố nên chú trọng đầu tư phát triển làm ngành công nghiệp chủ lực khi VN tham gia vào Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương. Đây là hai ngành không chỉ có khả năng lôi kéo, thúc đẩy các ngành khác phát triển (có hệ số liên kết ngành cao) mà còn là ngành có sức cầu nội địa lớn, hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao, đủ khả năng đi vào kinh tế tri thức. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thị Cảnh (chủ biên), (2010), Áp dụng mô hình cân bằng tổng thể và mô hình kinh tế lượng trong phân tích, dự báo và xây dựng các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế VN đến năm 2020, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Cảnh, (2011), Quan điểm phát triển kinh tế bền vững theo cơ chế chất lượng cao, phát triển phân cực và cơ sở lựa chọn các ngành kinh tế chủ lực tại VN, Khi Rồng muốn thức dậy – Loay hoay với mô hình kinh tế sau đổi mới, trang 255 – 266, NXB Lao động – Xã hội.

(Xem tiếp trang 73)